

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHÍ THẢO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 112/QĐ-UBND

Chí Thảo, ngày 11 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán
ngân sách 6 tháng đầu năm năm 2024**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CHÍ THẢO

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân xã Chí Thảo khóa XX kỳ họp thứ tám nhiệm kỳ 2021 - 2026 về việc Quyết định dự toán thu ngân sách trên địa bàn; chi ngân sách địa phương năm 2024

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Chí Thảo về việc phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Chí Thảo về việc phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Chí Thảo về việc phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Chí Thảo về việc phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2024;

Theo đề nghị của Tài chính - Kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm năm 2024 của xã Chí Thảo (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Tài chính - Kế toán tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC - KH huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- MTTQ, ĐTN, HPN, HND, HCCB;
- 8 Trường xóm;
- Lưu: Vp.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lục Văn Giáp



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 06 THÁNG NĂM 2024

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 06 THÁNG NĂM 2023	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	5.150.454.689	2.595.529.388	50,39
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	70.200.000	39.128.699	55,74
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ			
3	Thu bổ sung	5.068.706.000	2.544.852.000	50,21
	- Thu bổ sung cân đối	5.047.706.000	2.523.852.000	50,00
	- Thu bổ sung có mục tiêu	21.000.000	21.000.000	100,00
4	Thu chuyển nguồn	11.548.689	11.548.689	
II	TỔNG SỐ CHI	5.150.454.689	2.416.358.311	55,27
1	Chi đầu tư phát triển			
2	Chi thường xuyên	5.050.103.689	2.408.758.311	47,70
3	Dự phòng	100.351.000	7.600.000	7,57



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 06 THÁNG NĂM 2024

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 06 THÁNG NĂM 2023		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	5.150.454.689	5.150.454.689	2.595.529.388	2.595.529.388	50,39	50,39
I	Các khoản thu 100%	70.200.000	70.200.000	39.128.699	39.128.699	55,74	55,74
	Phí, lệ phí	11.800.000	11.800.000	5.370.000	5.370.000	45,51	45,51
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			1.000.000	1.000.000		
	Thuế Giá trị gia tăng	36.528.000	36.528.000	18.506.876	18.506.876	50,66	50,66
	Thuế thu nhập cá nhân	16.372.000	16.372.000	10.777.798	10.777.798	65,83	65,83
	Thu khác	-		37.195	37.195		
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	500.000	500.000	-	-	-	-
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	-		2.200.000	2.200.000		
	Lệ phí trước bạ nhà, đất	5.000.000	5.000.000	1.236.830	1.236.830	24,74	24,74
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)			-			
IV	Thu chuyển nguồn	11.548.689	11.548.689	11.548.689	11.548.689	100,00	100,00
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.068.706.000	5.068.706.000	2.544.852.000	2.544.852.000	50,21	50,21
	- Thu bổ sung cân đối	5.047.706.000	5.047.706.000	2.523.852.000	2.523.852.000	50,00	50,00
	- Thu bổ sung có mục tiêu	21.000.000	21.000.000	21.000.000	21.000.000	100,00	100,00

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 06 THÁNG NĂM 2024

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG NĂM 2024				SO SÁNH (%)	
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	TỔNG CHI	5.120.006.000		5.120.006.000	2.416.358.311	-	2.416.358.311	47,19		47,19
	Trong đó									
1	Chi giáo dục	44.440.000		44.440.000	8.820.000		8.820.000	19,85		19,85
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-			-					
3	Chi y tế	120.960.000		120.960.000	76.032.000		76.032.000	62,86		62,86
4	Chi văn hóa, thông tin	18.000.000		18.000.000	6.048.800		6.048.800	33,60		33,60
5	Chi phát thanh, truyền thanh	-			-					
6	Chi thể dục thể thao	27.000.000		27.000.000	1.242.000		1.242.000	4,60		4,60
7	Chi bảo vệ môi trường	10.000.000		10.000.000	-			0,00		0,00
8	Chi các hoạt động kinh tế	97.900.000		97.900.000	17.712.000		17.712.000	18,09		18,09
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.560.055.000		4.560.055.000	2.228.739.511		2.228.739.511	48,88		48,88
10	Chi cho công tác xã hội (hưu xã)	141.300.000		141.300.000	70.164.000		70.164.000	49,66		49,66
11	Chi khác	-			-					
12	Dự phòng ngân sách	100.351.000		100.351.000	7.600.000		7.600.000	7,57		7,57